

TỰ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC THỰC HÀNH CHĂM SÓC CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN

Nguyễn Thị Ngọc Hân✉, Ngô Thị Dung, Dương Thị Thùy Trang

Nguyễn Thị Thanh Trúc, Lưu Trí Diễm, Nguyễn Thái Thông

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Sinh viên điều dưỡng là lực lượng bổ sung quan trọng cho nguồn nhân lực y tế trong tương lai. Vì vậy việc đánh giá năng lực thực hành chăm sóc – yếu tố cốt lõi của người điều dưỡng - của sinh viên là rất thiết yếu, để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo cũng như đảm bảo đáp ứng nhu cầu xã hội đối với ngành điều dưỡng. Nghiên cứu mô tả cắt ngang thực hiện tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ với 110 sinh viên điều dưỡng năm 3 và 4 tham gia tự đánh giá. Kết quả: sinh viên có năng lực thực hành chăm sóc đáp ứng tốt theo Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam với 42,7% đáp ứng tốt và 41,8% đáp ứng một phần (điểm năng lực $1,2 \pm 0,4/2$ điểm). Sinh viên năm 4 có năng lực tốt hơn năm 3. Năng lực ứng dụng kiến thức khoa học vào chăm sóc an toàn đạt kết quả cao nhất. Tuy nhiên, sinh viên cần được tập trung hướng dẫn, hỗ trợ để nâng cao năng lực xử trí tình huống cấp cứu và giáo dục sức khỏe.

Từ khóa: Năng lực thực hành chăm sóc, sinh viên điều dưỡng, đào tạo điều dưỡng.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Người điều dưỡng là lực lượng nòng cốt, đóng vai trò chủ đạo trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế.¹ Ở nhiều quốc gia, điều dưỡng chiếm một nửa lực lượng chuyên gia chăm sóc sức khỏe và có vai trò then chốt trong cách thức tổ chức, triển khai các dịch vụ y tế từ trung ương đến địa phương. Điều dưỡng cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, bao gồm quảng bá, phòng ngừa, điều trị và phục hồi chức năng; và cũng là người phòng chống dịch bệnh ở tuyến đầu. Họ cũng là người phụ trách công tác chăm sóc, theo dõi tình trạng và các thực hiện các can thiệp để phục vụ cho quá trình phục hồi của người bệnh.² Bên cạnh đó, đây cũng thường là những người đầu tiên phát hiện các trường hợp cấp cứu, các tình huống

cần hỗ trợ y tế.³ Trong nhiều vai trò của người điều dưỡng, vai trò người chăm sóc là quan trọng nhất. Hay nói cách khác thực hành chăm sóc là hạt nhân của ngành điều dưỡng.⁴

Xuất phát từ sự thay đổi trong xu hướng phát triển nghề nghiệp và nhu cầu của xã hội, ngày 28 tháng 12 năm 2022, Bộ Y tế đã ban hành chuẩn năng lực cơ bản điều dưỡng Việt Nam điều chỉnh gồm 5 lĩnh vực 19 tiêu chuẩn và 73 tiêu chí. Trong đó, nội dung về chuẩn năng lực thực hành chăm sóc là nội dung được chú trọng nhất, chiếm 9 tiêu chuẩn và 37 tiêu chí.⁵ Trường Đại học Y Dược Cần Thơ với quy mô đào tạo hơn 14.000 sinh viên, trong 15 năm qua đã đào tạo hơn 3.000 điều dưỡng cho khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long và cả nước. Với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được xây dựng cụ thể, rõ ràng dựa theo chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam, việc phát triển và đánh giá năng lực sinh viên theo chuẩn năng lực nghề nghiệp cũng được chú trọng bên cạnh việc đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra. Sinh viên điều dưỡng năm thứ 3 và năm thứ

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Ngọc Hân

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Email: ntnhan@ctump.edu.vn

Ngày nhận: 11/05/2023

Ngày được chấp nhận: 03/06/2023

4 là nguồn lực bổ sung cho đội ngũ điều dưỡng chất lượng trong tương lai gần. Do đó, việc xác định năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên là rất quan trọng nhằm phát hiện những hạn chế trong kiến thức, kỹ năng, thái độ; từ đó giúp sinh viên chủ động lập kế hoạch cải thiện năng lực bản thân chuẩn bị cho nghề nghiệp về sau; đồng thời giúp nhà trường có cơ sở cải tiến chất lượng dạy-học.⁶ Tuy nhiên, các khảo sát đánh giá năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên tại Việt Nam còn khá hạn chế. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu: (1) Mô tả năng lực thực hành chăm sóc bằng hình thức tự đánh giá của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ; (2) Khảo sát một số yếu tố liên quan đến năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. Đối tượng

Toàn bộ sinh viên điều dưỡng năm thứ 3 (đã hoàn thành 8/12 học kỳ) và năm thứ 4 (đã hoàn thành 11/12 học kỳ) của trường Đại Học Y Dược Cần Thơ đang học tại trường và đồng ý tham gia nghiên cứu. Nghiên cứu loại trừ các sinh viên không có mặt tại trường trong thời gian nghiên cứu (tạm nghỉ học, trao đổi sinh viên ngoài trường). Trong nghiên cứu này, có 110 sinh viên tham gia, trong đó có 65 sinh viên năm thứ 4 và 45 sinh viên năm thứ 3.

2. Phương pháp

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang mô tả.

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Chọn mẫu toàn bộ, chọn tất cả sinh viên điều dưỡng năm thứ 3 và năm thứ 4 của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đang học tập tại trường. Thực tế, chúng tôi mời 123 sinh viên tham gia, thu thập được 110 mẫu, với tỷ lệ phản hồi là 89,4%.

Thu thập số liệu

Số liệu được thu thập thông qua bộ câu hỏi tự điền được thiết kế sẵn gồm hai phần. Phần 1: thu thập thông tin về đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu bao gồm tuổi, giới tính, năm đào tạo, học lực, và thời gian dành cho tự học chuyên ngành. Phần 2 thu thập thông tin liên quan đến năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên. Phần này đánh giá năng lực chăm sóc theo 9 tiêu chuẩn và 37 tiêu chí thuộc năng lực thực hành chăm sóc của Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam với 55 câu hỏi. Mỗi câu trả lời có giá trị từ 0 (không thực hiện được), 1 (thực hiện được dưới sự hướng dẫn), đến 2 điểm (tự thực hiện được hoàn toàn). Nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi đánh giá năng lực thực hành của điều dưỡng do tác giả Nguyễn Thị Minh Chính và cộng sự xây dựng (2019).⁷ Tuy nhiên, nghiên cứu này chỉ sử dụng các câu hỏi thuộc lĩnh vực thực hành chăm sóc (gồm 55 câu), sắp xếp lại thứ tự và chia nhóm lại để tương thích với bộ Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam năm 2022. Bộ câu hỏi điều chỉnh được xin ý kiến của 7 chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo điều dưỡng và thực hiện điều tra thử với 30 sinh viên có cùng đặc điểm với đối tượng nghiên cứu. Kết quả đánh giá độ tin cậy Cronbach's Alpha trong nghiên cứu này là 0,89. Điểm năng lực của sinh viên được tính bằng trung bình cộng điểm số của các câu hỏi dao động từ 0 đến 2. Với mức độ thang đo chạy từ 0 đến 2, chúng tôi dựa trên giá trị khoảng cách để xác định các mức độ đáp ứng năng lực theo giá trị trung bình. Theo Trần Ánh Ngọc (2020), giá trị khoảng cách = $(\text{Maximum} - \text{Minimum})/n = (2 - 0)/3 = 0,67$.⁸ Từ đó, xác định được các mức độ và ý nghĩa của các giá trị trung bình năng lực gồm "Đáp ứng tốt": từ 1,35 đến 2 điểm, "Đáp ứng một phần": từ 0,68 đến 1,34 điểm, "Không đáp ứng": từ 0 đến 0,67 điểm.

Quy trình thu thập số liệu: Tất cả sinh viên

thuộc đối tượng nghiên cứu sẽ được liên hệ mời tham gia và hẹn thời gian để thực hiện khảo sát. Mỗi buổi khảo sát được thực hiện với 20 đến 30 sinh viên tại giảng đường với số lượng chỗ ngồi đảm bảo khoảng cách, tránh sao chép, trao đổi câu trả lời giữa các sinh viên tham gia nghiên cứu. Nhóm nghiên cứu tiến hành phát bộ câu hỏi, giải thích nội dung, cách trả lời, thời gian hoàn thành, giải đáp các thắc mắc nếu có, và luôn có mặt để hỗ trợ trong thời gian tiến hành khảo sát. Sinh viên dành khoảng 20 đến 30 phút để hoàn thành việc trả lời và nộp phiếu khảo sát. Nhóm nghiên cứu kiểm tra thông tin thu thập được và yêu cầu đối tượng nghiên cứu bổ sung nếu chưa hoàn tất câu trả lời.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Thời gian nghiên cứu: từ tháng 11/2022 đến tháng 5/2023.

Địa điểm nghiên cứu: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

Xử lý số liệu

Số liệu sau khi được thu thập, mã hóa, được xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0. Mô tả trung bình, độ lệch chuẩn, tần số, tỷ lệ của các biến số về đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu và năng lực thực hành chăm sóc. Kiểm định Chi bình phương được dùng để xác định mối liên quan giữa năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên với một số yếu tố đặc điểm chung. Trong trường hợp không thỏa mãn điều kiện sử dụng phép kiểm Chi bình phương thì phép kiểm Fisher's exact được sử dụng để xác định mối liên quan giữa các biến số nghiên cứu. Giá trị p nhỏ hơn 0,05 được coi như có ý nghĩa thống kê.

3. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu tuân thủ các quy định về đạo đức trong nghiên cứu y sinh và được thông qua xét duyệt y đức bởi Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (theo quyết định số 22.034.GV/PCT-

HĐĐĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022). Sinh viên được giải thích về mục đích và nội dung nghiên cứu, được tự do lựa chọn việc tham gia hoặc không tham gia nghiên cứu và có thể dừng tham gia nghiên cứu ở mọi thời điểm. Việc từ chối hay tham gia nghiên cứu không có ảnh hưởng nào đến quá trình học tập và quyền lợi của sinh viên. Các thông tin cá nhân sẽ được bảo mật và kết quả nghiên cứu chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ

1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

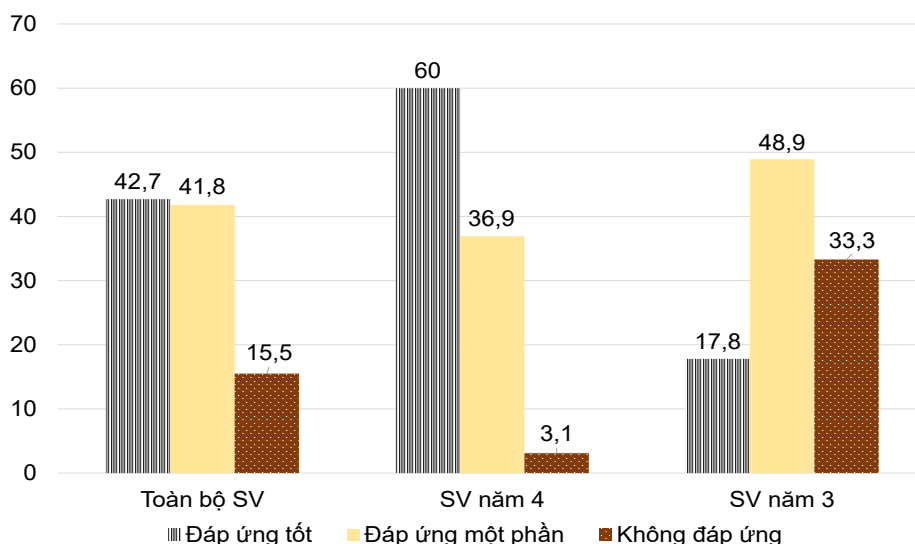
Tuổi trung bình của sinh viên điều dưỡng trong nghiên cứu là $21,8 \pm 0,6$ tuổi. Sinh viên nữ chiếm đa số với tỷ lệ là 77,3%. Trong 110 sinh viên tham gia nghiên cứu, năm thứ 4 chiếm 59,1%. Trung bình mỗi ngày sinh viên dành 2,4 giờ cho việc tự học các môn chuyên ngành. Địa điểm tự học phổ biến của sinh viên là nhà (94,5%) và quán nước, cà phê sách (55,5%). Về học lực, loại khá chiếm tỷ lệ nhiều nhất với 70%, tiếp theo là trung bình với 18,2%, giỏi 8,2% và thấp nhất là xuất sắc chiếm 2,7%.

2. Năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên điều dưỡng

Điểm trung bình năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên là $1,2 \pm 0,4/2$ điểm. Trong đó, sinh viên năm thứ 4 có điểm năng lực cao hơn so với sinh viên năm thứ 3 ($1,4 \pm 0,3$ so với $0,9 \pm 0,4$).

Biểu đồ 1 cho thấy, có 42,7% sinh viên điều dưỡng đáp ứng tốt với năng lực thực hành chăm sóc theo chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam. Tỷ lệ sinh viên không đáp ứng chuẩn ở mức thấp (15,5%).

Khi đánh giá chi tiết năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên điều dưỡng theo 9 tiêu chuẩn năng lực chăm sóc của Chuẩn năng lực cơ bản điều dưỡng Việt Nam, nghiên cứu cũng thu được kết quả tương tự (bảng 1).



Biểu đồ 1. Xếp loại năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên

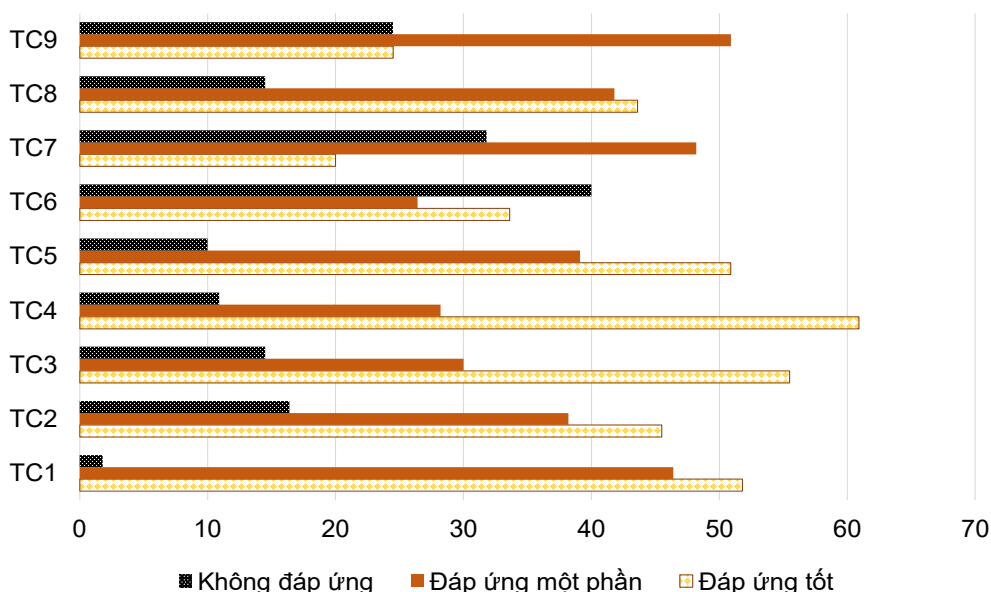
Bảng 1. Điểm trung bình năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên theo 9 tiêu chuẩn

Năng lực	Toàn bộ SV	Sinh viên năm 4	Sinh viên năm 3
TC1. Ứng dụng kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, bệnh học, khoa học điều dưỡng trong thực hành	1,3 ± 0,4	1,3 ± 0,3	1,3 ± 0,4
TC2. Áp dụng quy trình điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh tại các cơ sở y tế, chăm sóc tại nhà và chăm sóc sức khỏe cộng đồng	1,2 ± 0,5	1,4 ± 0,4	1,0 ± 0,5
TC3. Đảm bảo an toàn và tôn trọng người bệnh, các cá nhân, gia đình và cộng đồng	1,3 ± 0,5	1,6 ± 0,3	1,0 ± 0,5
TC4. Thực hiện kỹ thuật chăm sóc an toàn, hiệu quả	1,3 ± 0,4	1,5 ± 0,2	1,0 ± 0,4
TC5. Thực hiện thuốc cho người bệnh an toàn, hiệu quả	1,3 ± 0,4	1,5 ± 0,3	1,0 ± 0,4
TC6. Đảm bảo chăm sóc liên tục	1,1 ± 0,8	1,3 ± 0,6	0,7 ± 0,6
TC7. Xử trí kịp thời trong tình huống cấp cứu	0,9 ± 0,6	1,1 ± 0,6	0,7 ± 0,4
TC8. Giao tiếp phù hợp với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng	1,3 ± 0,5	1,5 ± 0,4	1,1 ± 0,5
TC9. Giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng hiệu quả	1,0 ± 0,5	1,2 ± 0,5	0,8 ± 0,4

Năng lực ứng dụng kiến thức vào thực hành chăm sóc; thực hiện các kỹ thuật chăm sóc và thực hiện thuốc an toàn, hiệu quả; đảm bảo an

toàn, tôn trọng; và giao tiếp hiệu quả với người bệnh, cá nhân, gia đình và cộng đồng đạt điểm cao nhất (1,3 điểm). Ngược lại năng lực xử trí

tình huống cấp cứu và giáo dục sức khỏe của sinh viên đạt điểm thấp nhất.



Biểu đồ 2. Phân loại năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên theo 9 tiêu chuẩn

Năng lực thực hiện các kỹ thuật chăm sóc an toàn, hiệu quả; đảm bảo an toàn và tôn trọng người bệnh, các cá nhân, gia đình và cộng đồng; và ứng dụng kiến thức khoa học vào thực hành chăm sóc có tỷ lệ sinh viên đáp ứng tốt ở mức cao nhất. Trong khi đó, năng lực đảm bảo

chăm sóc liên tục; xử trí tình huống cấp cứu; và giáo dục sức khỏe có tỷ lệ sinh viên không đạt ở mức cao nhất.

3. Mối liên quan giữa năng lực thực hành chăm sóc với đặc điểm chung của sinh viên

Bảng 2. Điểm trung bình năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên theo 9 tiêu chuẩn

Đặc điểm	Năng lực thực hành chăm sóc			Tổng	p	
	Đáp ứng tốt	Đáp ứng một phần	Không đáp ứng			
Giới tính	Nam	12 (48%)	7 (28%)	6 (24%)	25	0,2*
	Nữ	35 (41,2%)	39 (45,9%)	11 (12,9%)		
Năm đào tạo	Năm 3	8 (17,8%)	22 (48,9%)	15 (33,3%)	45	0,0001*
	Năm 4	39 (60%)	24 (36,9%)	2 (3,1%)	65	
Học lực	Xuất sắc	2 (66,7%)	1 (33,3%)	0 (0%)	3	0,91**
	Giỏi	4 (44,4%)	4 (44,4%)	1 (11,1%)	9	
	Khá	34 (44,2%)	32 (41,6%)	11 (14,3%)	77	
	Trung bình	7 (33,3%)	9 (42,9%)	5 (23,8%)	21	

* phép kiểm Chi bình phương; ** phép kiểm Fisher's exact

Sinh viên điều dưỡng năm 4 có năng lực thực hành chăm sóc tốt hơn so với năm 3 ($p < 0,0001$). Trong khi đó, giới tính và học lực không có mối liên quan với năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên.

IV. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu trên 110 sinh viên điều dưỡng năm 3 và năm 4 của chúng tôi ghi nhận, năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên điều dưỡng đáp ứng tốt theo chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam (1,2/2 điểm) với 42,7% sinh viên đáp ứng tốt và 41,8% sinh viên đáp ứng một phần. Đặc biệt, sinh viên năm thứ 4 có tỷ lệ đáp ứng tốt khá cao, chiếm 60%, đáp ứng một phần chiếm 36,9% với điểm năng lực trung bình đạt 1,4/2 điểm. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với một số nghiên cứu thực hiện đánh giá năng lực lâm sàng và thực hành chăm sóc của sinh viên. Một nghiên cứu tiến hành trên 72 sinh viên điều dưỡng năm cuối tại trường đại học University of Hail, Saudi Arabia cho thấy: sinh viên điều dưỡng có năng lực lâm sàng và chăm sóc người bệnh khá tốt với điểm trung bình năng lực đạt 3,54 điểm trên thang điểm 4.⁹ Tương tự, một nghiên cứu thực hiện tại Thái Lan với 3.349 sinh viên điều dưỡng từ 40 trường đào tạo điều dưỡng công lập và tự thực tham gia nhằm đánh giá và so sánh năng lực lâm sàng và chăm sóc của sinh viên các trường, cũng cho kết quả năng lực khá tốt của sinh viên. Cụ thể, trong nghiên cứu này, theo thang điểm 5, điểm tự đánh giá năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên dao động từ 3,5 đến 4,3 điểm.¹⁰ Tuy nhiên, khi so sánh với nghiên cứu của Phan Thị Mỹ Trinh và cộng sự thực hiện năm 2020 tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, thì kết quả tự đánh giá năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên trong nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn (68,8% so với 42,7%).¹¹ Sự khác biệt về năng lực này có thể lý giải do sự khác biệt trong

đối tượng nghiên cứu giữa hai nghiên cứu. Theo học thuyết học trải nghiệm của Kolb, thì sự khác biệt về kinh nghiệm thực hành có thể dẫn đến sự khác biệt về kiến thức và năng lực của sinh viên.¹² Trong đề tài của Phan Thị Mỹ Trinh và cộng sự, đối tượng tham gia tự đánh giá năng lực là những sinh viên điều dưỡng đã hoàn tất chương trình đào tạo, còn trong nghiên cứu của chúng tôi, đối tượng tham gia là sinh viên năm thứ 3 và năm thứ 4 - là những sinh viên có lượng kiến thức tích lũy và thời gian thực hành lâm sàng ngắn hơn. Do đó năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên trong nghiên cứu này của chúng tôi hạn chế hơn. Dù vậy, khi so sánh tỷ lệ đạt năng lực thực hành chăm sóc tốt của sinh viên điều dưỡng năm thứ 4 trong nghiên cứu của chúng tôi với sinh viên trong nghiên cứu của Phan Thị Mỹ Trinh thì sự khác biệt là không lớn (60% so với 68,8%).¹¹ Sự khác biệt nhỏ này vì trong thời điểm thu thập số liệu, những sinh viên năm 4 tham gia nghiên cứu đều đang ở đầu học kỳ cuối của chương trình đào tạo, nên dù năng lực có sự cải thiện đáng kể so với năm 3 thì vẫn chưa thể ngang bằng với sinh viên đã hoàn thành chương trình học. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này chúng tôi sử dụng phương pháp tự đánh giá mức độ đáp ứng với chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam năm 2022, còn mang tính chủ quan của sinh viên. Đây cũng là hạn chế của nghiên cứu. Vì vậy, trong tương lai cần có thêm các nghiên cứu đánh giá năng lực sinh viên khách quan hơn từ giảng viên, điều dưỡng, cơ sở thực hành...

Khi xem xét cụ thể năng lực sinh viên theo 9 tiêu chuẩn thực hành chăm sóc theo chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam, kết quả nghiên cứu cho thấy rằng năng lực thực hiện các kỹ thuật chăm sóc an toàn, hiệu quả; đảm bảo an toàn và tôn trọng người bệnh, các cá nhân, gia đình và cộng đồng; và ứng dụng

kiến thức khoa học vào thực hành chăm sóc có tỷ lệ sinh viên đáp ứng tốt ở mức cao nhất. Trong khi đó, năng lực đảm bảo chăm sóc liên tục; xử trí tình huống cấp cứu; và giáo dục sức khỏe có tỷ lệ sinh viên không đáp ứng ở mức cao nhất. Kết quả nghiên cứu này tương đồng với các nghiên cứu trước cũng chỉ ra rằng đa số sinh viên điều dưỡng còn hạn chế về năng lực đánh giá và xử trí tình huống cấp cứu cũng như kỹ năng giáo dục sức khỏe hiệu quả cho người bệnh, gia đình và cộng đồng.^{10,11} Tương tự, nghiên cứu của Lê Thị Kim Chi và cộng sự (2020) cũng cho thấy năng lực xử trí tình huống cấp cứu của sinh viên điều dưỡng dù là năm 3 hay năm 4 đều còn nhiều hạn chế cần khắc phục.⁶

Đồng thời, kết quả ở bảng 2 cho thấy, giữa sinh viên nam và nữ, sinh viên có xếp loại học lực khác nhau không có sự khác biệt về năng lực thực hành chăm sóc. Kết quả nghiên cứu này tương đồng với nghiên cứu của Trần Thị Nguyệt và cộng sự (2023). Nghiên cứu ghi nhận không có mối liên quan giữa giới tính và trình độ học vấn của điều dưỡng với năng lực thực hành chăm sóc của họ.¹³ Tương tự, nghiên cứu thực hiện trên sinh viên điều dưỡng cũng cho thấy rằng giới tính không ảnh hưởng đến năng lực của sinh viên.^{9,14} Ngược lại, sinh viên năm thứ 4 có năng lực tốt hơn so với sinh viên năm 3 và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với học thuyết học trải nghiệm và một số nghiên cứu liên quan. Các nghiên cứu chỉ ra rằng các khóa đào tạo chuyên ngành, thời gian thực hành và kinh nghiệm lâm sàng có liên quan trực tiếp đến sự phát triển năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên điều dưỡng lẫn điều dưỡng viên.¹⁵⁻¹⁷ Do đó, để phát triển năng lực thực hành chăm sóc của sinh viên và nâng cao chất lượng đào tạo, việc tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo thời lượng và hiệu quả thực hành lâm sàng của sinh

viên là giải pháp vô cùng quan trọng.

V. KẾT LUẬN

Sinh viên điều dưỡng tự đánh giá bản thân đáp ứng khá tốt với tiêu chuẩn năng lực thực hành chăm sóc theo Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam với 42,7% sinh viên đáp ứng ở mức tốt). Sinh viên năm 4 có năng lực tốt hơn so với sinh viên năm 3. Năng lực vận dụng kiến thức khoa học vào thực hành chăm sóc hiệu quả; thực hiện thuốc an toàn; tôn trọng và giao tiếp hiệu quả với người bệnh, cá nhân, gia đình và cộng đồng đạt điểm cao nhất. Bên cạnh đó, nhà trường cần lưu ý tập trung hướng dẫn, hỗ trợ sinh viên cải thiện và phát triển năng lực xử trí tình huống cấp cứu và giáo dục sức khỏe.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Thị Dung. Phản hồi và sự tự tin của điều dưỡng sau khóa học chăm sóc vết thương theo chuẩn năng lực điều dưỡng Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Y học*. 2019;7:48-53.
2. Phan Thị Dung, Đào Khắc Hùng, Nguyễn Thị Bích Ngọc, và cs. Khảo sát kiến thức, thực hành, tự tin của điều dưỡng về chăm sóc vết thương theo chuẩn năng lực tại 8 bệnh viện Việt Nam năm 2020. *Tạp Chí Y Dược Lâm Sàng 108 - Clinical Medicine and Pharmacy*. 2021;16(4).
3. Frisch NC, Rabinowitsch D. What's in a definition? Holistic nursing, integrative health care, and integrative nursing: report of an integrated literature review. *Journal of Holistic Nursing*. 2019;37(3):260-272.
4. Mahoney AD, Westphaln KK, Covelli AF, et al. Advancing social mission in nursing education: Recommendations from an expert advisory board. *Journal of Nursing Education*. 2020;59(8):433-433.
5. Bộ Y tế. Chuẩn năng lực cơ bản của Điều

dưỡng Việt Nam. Quyết định số 3474/QĐ-BYT của Bộ Y tế, Hà Nội. 2022.

6. Lê Thị Kim Chi, Nguyễn Thị Huyền Duy, Lê Thị Thu Hằng, và cs. Khảo sát kiến thức về dự phòng và xử trí phản vệ của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. *Tạp Chí Y Dược học Cần Thơ*. 2021;39:25-30.

7. Nguyen CTM, Horii S, Pham HTT, et al. Effectiveness of a standard clinical training program in new graduate nurses' competencies in Vietnam: A quasi-experimental longitudinal study with a difference-in-differences design. *Plos One*. 2021;16(7):e0254238.

8. Trần Ánh Ngọc. Đánh giá nhận thức, thái độ, hành động về học chế tín chỉ của sinh viên trường đại học Hải Phòng. Luận văn thạc sĩ, Đại Học Quốc Gia Hà Nội, 2020.

9. Albagawi B, Hussein FM, Alotaibi JS, et al. Self-efficacy and clinical competence of fourth-year nursing students: A self-reported study. *Int J Adv Appl Sci*. 2019;6:65-70.

10. Sawaengdee K, Kantamaturapoj K, Seneerattanaprayul P, et al. Self-assessment of nursing competency among final year nursing students in Thailand: a comparison between public and private nursing institutions. *Advances in Medical Education and Practice*. 2016;7:475-482.

11. Phan Thị Mỹ Trinh, Lê Văn Tĩnh, Đặng Trần Ngọc Thanh, và cs. Kết quả tự đánh giá của sinh viên về mức độ đáp ứng năng lực theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Cử

nhân Điều dưỡng trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch năm 2020. *Tạp Chí Khoa học Điều dưỡng*. 2021;4(3):37-46.

12. Kolb DA. *Experiential learning: Experience as the source of learning and development*. 2nd edition. Publisher: Pearson Education. 2014.

13. Trần Thị Nguyệt, Dương Thị Hồng Liên, Trần Thị Hằng, và cs. Tự đánh giá năng lực thực hành chăm sóc của điều dưỡng tại Bệnh viện Trường Đại học Y-Dược Huế. *Tạp Chí Nghiên cứu Y học*. 2023;163(2):244-254.

14. Alosaimi D. Learning self-efficacy as predictor of nursing students' performance of clinical skills. *Educational Sciences: Theory & Practice*. 2021;21(3):120-131.

15. Han NTN, An HTT, Doan MTK, et al. Knowledge, attitude, and practice of hand hygiene among nursing students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*. 2023;(5):120-125.

16. Trần Thị Hằng, Tôn Nữ Minh Đức, Nguyễn Thị Anh Phương, và cs. Khảo sát năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng và các yếu tố liên quan. *Tạp chí Y Dược học - Trường Đại học Y Dược Huế*. 2022;6(12):22-29.

17. Gunawan J, Aunguroch Y, Fisher ML, et al. Factors related to the clinical competence of registered nurses: Systematic review and meta-analysis. *Journal of Nursing Scholarship*. 2020;52(6):623-633.

Summary

SELF-ASSESSMENT OF CLINICAL COMPETENCE AMONG NURSING STUDENTS AND ITS ASSOCIATED FACTORS

Nursing students are the future nursing workforce. Therefore, assessment of clinical competency - a core value of the nursing profession - among nursing students is important to improve the quality of nursing education and enhance nursing profession. A cross-sectional descriptive

design is conducted on 110 third- and fourth-year nursing students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy. Results: nursing students have high scores of clinical competency with 42.7% students are at good level and 41.8% of them are at moderate (mean score $1.2 \pm 0.4/2$). Fourth-year students significantly have higher scores of clinical competency compared with third-year students. Competence in applying knowledge in providing safe care for patients was the topic with the highest mean score. Meanwhile, training and support to enhance students' competence in responding to emergency cases and health education are recommended.

Keywords: Clinical competence, nursing student, nursing education.